

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 46 /2016/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên
ngân sách nhà nước năm 2017**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ số 76 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 266/2016/UBTVQH14 ngày 4 tháng 10 năm 2016
của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định
mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về định mức phân bổ dự toán
chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quyết định này quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước áp dụng cho năm ngân sách 2017, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020 theo quy định của Luật ngân sách nhà nước;

b) Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020, thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách tại Quyết định này.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là các bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương);

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng định mức

1. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước ban hành kèm theo quyết định này là cơ sở để xây dựng dự toán chi ngân sách của từng bộ, cơ quan Trung ương, dự toán chi ngân sách của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (bao gồm cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã).

2. Định mức phân bổ của ngân sách địa phương đã bao gồm toàn bộ nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ chính sách do Trung ương ban hành đến ngày 31 tháng 5 năm 2016 (chưa bao gồm các chính sách tăng thêm do tiêu chí chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều và các chính sách ngân sách nhà nước hỗ trợ khi có đối tượng tham gia như kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 2 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ; hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; bảo hiểm y tế cho hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình).

3. Tổng dự toán chi thường xuyên của các địa phương và dự toán chi thường xuyên của lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ được tính theo định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Quyết định này và đảm bảo không thấp hơn dự toán chi năm 2016 Quốc hội quyết định.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Quyết định này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ở Trung ương ban hành định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho các đơn vị trực thuộc để làm căn cứ tổ chức thực hiện, bảo đảm khớp đúng về tổng mức, phù hợp với đặc điểm thực tế và nguồn thu của từng đơn vị trực thuộc, thực hiện công khai, minh bạch và theo đúng các quy định của pháp luật; đồng thời gửi Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 ban hành kèm theo Quyết định này chỉ để xác định tổng chi thường xuyên, trong đó chi tiết lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ để Quốc hội quyết định. Căn cứ khả năng tài chính - ngân sách và đặc điểm tình hình ở địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành định mức phân bổ chi ngân sách địa phương đảm bảo phù hợp từng cấp chính quyền địa phương, phù hợp tình hình thực tế của từng lĩnh vực chi và theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước để làm căn cứ xây dựng dự toán và phân bổ ngân sách ở địa phương năm 2017, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020; đồng thời gửi Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Căn cứ vào tổng mức chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 tính theo định mức phân bổ và tiến độ thực hiện điều chỉnh giá, phí dịch vụ theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là Nghị định 16), các địa phương xây dựng định mức phân bổ chi ngân sách địa phương trong đó việc phân bổ chi cho các đơn vị sự nghiệp công lập phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định 16 và các nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực, yêu cầu tăng cường tính tự chủ của các đơn vị sự nghiệp, giảm dần mức hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp phù hợp với lộ trình điều chỉnh giá, phí sự nghiệp công, dành nguồn lực chuyển sang hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng hưởng chế độ chính sách. Hàng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020, căn cứ kết quả thực hiện Nghị định 16 và các văn bản pháp luật có liên quan, giao Bộ Tài chính phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác định phần giảm chi ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công lập để bổ sung nguồn thực hiện các chế độ chính sách do trung ương ương ban hành trên địa bàn.

4. Trong quá trình phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương và các địa phương phải quán triệt thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cải cách hành chính; thực hiện công khai, minh bạch ngân sách theo quy định; xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị và người đứng đầu trong quản lý sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

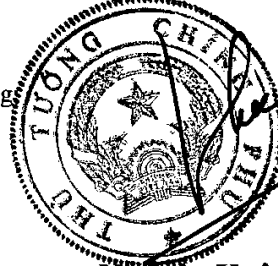
Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (3b). 225

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 46 /2016/QĐ-TTg
ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)*

Chương I

**ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC CHO CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG**

Điều 1. Định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính

1. Định mức phân bổ đối với khối các cơ quan Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, cơ quan thi hành án dân sự, Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ; các Bộ, cơ quan Trung ương:

a) Áp dụng định mức chung đối với khối các cơ quan Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, cơ quan thi hành án dân sự, Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ: Định mức phân bổ 55 triệu đồng/biên chế;

b) Áp dụng định mức theo phương pháp lũy thoái đối với Bộ Tư pháp (không bao gồm cơ quan thi hành án dân sự), các Bộ, cơ quan Trung ương (trừ các cơ quan quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều này): Số biên chế do cơ quan có thẩm quyền giao cho từng bộ, cơ quan Trung ương được chia thành các bậc khác nhau với quy mô biên chế của bậc đầu tiên là 100 biên chế trở xuống. Định mức phân bổ ngân sách giảm dần theo các bậc biên chế, cụ thể:

- Từ 100 biên chế trở xuống: Tính 54 triệu đồng/biên chế;
- Từ biên chế thứ 101 đến 500: Tính 50 triệu đồng/biên chế;
- Từ biên chế thứ 501 đến 1.000: Tính 48 triệu đồng/biên chế;
- Từ biên chế thứ 1.001 trở lên: Tính 45 triệu đồng/biên chế.

c) Định mức phân bổ ngân sách quy định tại điểm a, điểm b khoản này đã bao gồm:

- Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin, tuyên truyền, liên lạc, công tác phí, hội nghị, tổng kết, đoàn ra, đoàn vào, vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng.

- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: Chi nghiệp vụ chuyên môn của các ngành, chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện công tác quản lý ngành, lĩnh vực; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; xây dựng, hoàn thiện, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; đánh giá giám sát đầu tư; chi hỗ trợ hoạt động cho công tác Đảng, Đoàn thể trong cơ quan.

- Chi tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho lao động thường xuyên theo hợp đồng (bao gồm cả lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp). Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách quyết định số lao động hợp đồng trong phạm vi mức kinh phí chi thường xuyên tính theo định mức.

- Kinh phí sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và bảo dưỡng thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định.

d) Định mức phân bổ ngân sách quy định tại điểm a, điểm b khoản này không bao gồm:

- Chi lương và các khoản có tính chất tiền lương (bao gồm cả 40% mức lương hiện hưởng ở trong nước của cán bộ, công chức, người lao động được cử đi học tập, công tác ở nước ngoài theo quy định).

- Các khoản chi đặc thù chung cho các cơ quan trung ương, gồm: Đóng niên liễm; kinh phí đối ứng của các dự án; chi thuê trụ sở; chi tổ chức Đại hội toàn quốc, Hội nghị quốc tế được cơ quan có thẩm quyền quyết định; chi hoạt động của các Ban chỉ đạo, Ban điều phối, tổ công tác liên ngành, các Ủy ban, các Hội đồng được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập hoặc giao các Bộ quyết định thành lập; chi mua ô tô, sửa chữa lớn trụ sở; kinh phí mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các khoản chi đặc thù mang tính chất riêng biệt: Chi cho cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; kinh phí đảm bảo hoạt động cho số xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước; kinh phí chi mua quà và tặng phẩm cho lãnh đạo cao cấp đi thăm và làm việc ở các nước; kinh phí đoàn ra, đoàn vào phải bố trí mức cao đáp ứng nhiệm vụ đặc thù của Bộ Ngoại giao, Bộ Công Thương; kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thường xuyên ngoài các khoản chi do cán bộ, công chức ngành thống kê thực hiện, kinh phí thực hiện các cuộc tổng điều tra thống kê, các cuộc điều tra thống kê định kỳ, đột xuất theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; chi hoạt động của Hội đồng thẩm định đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Hội đồng thẩm định dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tư pháp thực hiện theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; trang phục; kinh phí trích theo số thu thực nộp ngân sách nhà nước; hỗ trợ các tổ chức tôn giáo; kinh phí sản xuất hiện vật thi đua khen thưởng.

- Các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

2. Phân bổ dự toán chi quản lý hành chính cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức đặc thù ở Trung ương:

a) Đối với dự toán chi bảo đảm hoạt động của Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ được tính trên cơ sở định mức, chế độ, tiêu chuẩn và các nhiệm vụ chi đặc thù của các cơ quan này;

b) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam và các đơn vị thực hiện khoán chi hành chính theo quyết định của cấp có thẩm quyền (Kho bạc Nhà nước, cơ quan Thuế, Hải quan...) được vận dụng định mức phân bổ chi quản lý hành chính để xây dựng mức chi cho cơ quan, đơn vị mình;

c) Các hội đặc thù, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định hiện hành.

3. Trên cơ sở biên chế hành chính được cơ quan có thẩm quyền giao và mức chi thường xuyên theo định mức phân bổ, khuyến khích các bộ, cơ quan trung ương tinh giản biên chế, tiết kiệm chi tiêu để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức và tăng chi cho các nhiệm vụ trọng tâm của cơ quan, đơn vị.

4. Dự toán chi quản lý hành chính các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách (từ năm 2018 - 2020), được xác định theo biên chế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và định mức phân bổ chi quản lý hành chính điều chỉnh tăng/giảm theo khả năng ngân sách nhà nước do Chính phủ trình Quốc hội quyết định trong phương án phân bổ ngân sách trung ương hàng năm.

Điều 2. Phân bổ dự toán chi các đơn vị sự nghiệp công lập

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên các đơn vị sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ tại Nghị định 16, cụ thể:

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ đối với dịch vụ sự nghiệp công nằm trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền ban hành và theo giá do cơ quan có thẩm quyền quy định theo pháp luật về giá;

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí, được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá, phí chưa tính đủ chi phí): Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm

vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nằm trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền ban hành và theo giá, phí do cơ quan có thẩm quyền quy định chưa tính đủ chi phí.

Ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình điều chỉnh giá, phí dịch vụ của từng lĩnh vực và khả năng tự đảm bảo chi hoạt động từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị;

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp): Thực hiện theo quy định hiện hành, ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên ổn định trong thời gian 3 năm và được điều chỉnh khi Nhà nước thay đổi nhiệm vụ, cơ chế chính sách theo quy định. Trên cơ sở quỹ tiền lương, phụ cấp, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đặc thù và chi hoạt động thường xuyên được vận dụng tối đa bằng định mức phân bổ chi quản lý hành chính của đơn vị cùng quy mô biên chế, các đơn vị xác định mức ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên;

d) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương có trách nhiệm công khai, minh bạch kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

2. Trong thời gian các nghị định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực chưa được ban hành, các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo quy định hiện hành. Phân bổ chi thường xuyên các lĩnh vực chi sự nghiệp của ngân sách trung ương theo nguyên tắc sau:

a) Ngân sách nhà nước giảm cấp chi thường xuyên cho các cơ sở sự nghiệp công lập đối với các khoản chi đã được kết cấu vào giá dịch vụ theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ của từng lĩnh vực sự nghiệp công. Kinh phí dành được để tăng nguồn đảm bảo chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo Đề án được cấp có thẩm quyền quyết định, tăng chi mua sắm sửa chữa và tăng chi đầu tư phát triển, trên cơ sở đó cơ cấu lại các lĩnh vực chi ngân sách thường xuyên và từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước;

b) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, bố trí theo tiến độ thực hiện nhiệm vụ và khả năng cân đối ngân sách nhà nước hàng năm, ưu tiên các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, nhiệm vụ chuyển tiếp. Chỉ bố trí cho các nhiệm vụ mở mới sau khi phân bổ đủ các nhiệm vụ chuyển tiếp hoặc nhiệm vụ mở mới phải thật sự cấp bách. Không phân bổ kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phê duyệt không đúng thẩm quyền và không xác định được nguồn kinh phí đảm bảo.

Điều 3. Phân bổ dự toán chi quốc phòng, an ninh

Đối với nhiệm vụ chi quốc phòng, an ninh của ngân sách trung ương, căn cứ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ đối với con người, nhiệm vụ đặc thù của quốc phòng, an ninh và khả năng cân đối ngân sách trung ương hàng năm, Chính phủ trình Quốc hội quyết định.

Chương II

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Mục 1

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH MỘT SỐ TIÊU CHÍ, CĂN CỨ CỦA ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 4. Tiêu chí dân số

1. Dân số của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được xác định theo số liệu do Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê cung cấp.

2. Phân 4 vùng dân số như sau:

a) Dân số đô thị: gồm dân số các phường và thị trấn (đối với dân số các thị trấn thuộc vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu và vùng cao - hải đảo được tính vào dân số thuộc các vùng tương ứng không tính dân số vùng đô thị);

b) Dân số vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu: gồm dân số ở các xã núi thấp, đồng bào dân tộc ở đồng bằng theo các quy định của Ủy ban Dân tộc; dân số các xã vùng sâu (xã vùng sâu là các xã đồng bằng có các điều kiện khó khăn về địa lý tự nhiên, khắc nghiệt về thời tiết, xa xôi hẻo lánh, xa các trung tâm văn hoá chính trị xã hội đi lại khó khăn,... được xác định theo Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBDT ngày 05 tháng 01 năm 2005 của liên Bộ Nội vụ - Lao động, thương binh và Xã hội - Tài chính - Ủy ban Dân tộc mà cán bộ, công chức công tác tại địa bàn được hưởng phụ cấp khu vực);

c) Dân số vùng cao - hải đảo gồm dân số ở các xã núi cao, xã đảo (xã đảo và xã núi cao được xác định theo quyết định công nhận của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Dân tộc);

d) Dân số vùng đồng bằng gồm dân số các xã thuộc khu vực còn lại.

Điều 5. Tiêu chí người thuộc hộ gia đình nghèo

Số người thuộc hộ gia đình nghèo được xác định trên cơ sở số hộ nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Điều 6. Tiêu chí khu, điểm du lịch quốc gia

Khu, điểm du lịch quốc gia được phê duyệt tại Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22 tháng 1 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Mục 2

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 7. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục

1. Định mức phân bổ theo dân số trong độ tuổi đến trường từ 1 - 18 tuổi:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Đô thị	2.148.100
Đồng bằng	2.527.200
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	3.538.100
Vùng cao - hải đảo	5.054.400

Định mức phân bổ tại khoản này đã bao gồm: Tính đủ cho các cấp giáo dục, các loại hình giáo dục; chế độ học bổng cho học sinh dân tộc nội trú, chế độ đối với học sinh bán trú, chính sách ưu tiên đối với lĩnh vực giáo dục đã ban hành.

Trên cơ sở định mức quy định tại khoản này, nếu tỷ lệ chi thường xuyên cho hoạt động giảng dạy và học tập (không kể lương và có tính chất lương) nhỏ hơn 18% so với tổng chi sự nghiệp giáo dục, sẽ được bổ sung để đảm bảo tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tối đa 82%, chi cho hoạt động giảng dạy và học tập tối thiểu 18% (chưa kể nguồn thu học phí). Tỷ lệ này chỉ áp dụng đối với năm 2017, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020 giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; từng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phù hợp với khả năng ngân sách và điều kiện thực tế của từng địa phương.

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung, được xác định trên cơ sở số đối tượng năm 2016, mức hỗ trợ theo chế độ quy định gồm:

a) Tiền ăn trưa trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi theo Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 9 tháng 2 năm 2010 và Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ;

b) Chính sách giáo dục đối với người khuyết tật theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính;

c) Hỗ trợ học sinh trung học phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 12/2013/QĐ-TTg ngày 24 tháng 1 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ;

d) Hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 8. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số (không kể dân số từ 1 - 18 tuổi):

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Đô thị	92.200
Đồng bằng	102.500
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	143.500
Vùng cao - hải đảo	205.000

Định mức phân bổ tại Điều này đã bao gồm kinh phí thực hiện các loại hình đào tạo, dạy nghề (chính quy, tại chức, cử tuyển, đào tạo lại, các loại hình đào tạo dạy nghề khác), các cấp đào tạo, dạy nghề, trung tâm chính trị tỉnh, huyện,...của địa phương.

Điều 9. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Đô thị	182.700
Đồng bằng	246.900
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	333.300
Vùng cao - hải đảo	469.100

Định mức phân bổ tại khoản này đã bao gồm: các chế độ chính sách phụ cấp đặc thù ngành y tế và tăng kinh phí cho công tác dự phòng để thực hiện Nghị quyết số 18/2008/QH12 của Quốc hội. Căn cứ vào khả năng ngân sách, các địa phương phân bổ chi sự nghiệp y tế thực hiện Nghị quyết này của Quốc hội đảm bảo nguồn thực hiện nhiệm vụ y tế dự phòng (chưa kể nguồn thu dịch vụ khám, chữa bệnh).

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung được xác định trên cơ sở số đối tượng năm 2016 (riêng đối tượng người thuộc hộ gia đình nghèo được quy định tại Điều 5 Mục I Chương II), mức hỗ trợ theo chế độ quy định gồm:

a) Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi;

b) Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng: người thuộc hộ gia đình nghèo, người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, người đang sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo; người đã hiến bộ phận cơ thể người theo quy định của pháp luật; người thuộc diện hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ;

c) Kinh phí hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho học sinh, sinh viên;

d) Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng: cựu chiến binh, người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào, thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến.

Điều 10. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính

1. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính, không bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương quy định tại khoản 2 Điều này:

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Đô thị	52.700
Đồng bằng	48.400
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	71.600
Vùng cao - hải đảo	87.100

b) Định mức phân bổ theo số đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã:

Đơn vị: triệu đồng/huyện/xã/năm

Vùng	Định mức huyện	Định mức xã
Vùng cao - hải đảo	2.160	940
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	1.910	740
Vùng còn lại	1.730	530

c) Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập các cơ quan chuyên môn đặc thù như: Sở Ngoại vụ, Sở Quy hoạch, kiến trúc, Ban Dân tộc ở cấp tỉnh được bổ sung thêm theo mức 2.040 triệu đồng/cơ quan cấp tỉnh.

2. Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn) tính theo quy định hiện hành.

3. Trường hợp dự toán chi quản lý hành chính tính theo định mức (không bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương) quy định tại khoản 1 Điều này nhỏ hơn 25% so với tổng chi quản lý hành chính, sẽ được bổ sung để đảm bảo đủ 25%, tỷ lệ chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương tối đa bằng 75%.

Điều 11. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Đô thị	26.600
Đồng bằng	29.200
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	40.900
Vùng cao - hải đảo	56.900

Định mức phân bổ tại khoản này đã bao gồm các chế độ chính sách ưu tiên đối với vùng đồng bào dân tộc theo các chế độ, chính sách đã ban hành.

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung, gồm:

a) Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp (là đơn vị sự nghiệp công lập), đội thông tin lưu động được phân bổ thêm kinh phí: 510 triệu đồng/đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp và 250 triệu đồng/đội thông tin lưu động;

b) Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có khu, điểm du lịch quốc gia được hỗ trợ 3.000 triệu đồng/khu, điểm du lịch quốc gia.

Điều 12. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Đô thị	15.800
Đồng bằng	17.600
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	24.600
Vùng cao - hải đảo	34.200

Định mức phân bổ tại khoản này đã bao gồm kinh phí thực hiện tăng thời lượng phát sóng phát thanh, truyền hình bằng tiếng đồng bào dân tộc.

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các huyện miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu, huyện vùng cao, hải đảo có trạm phát lại phát thanh, truyền hình được phân bổ 330 triệu đồng/huyện để có thêm kinh phí thực hiện phủ sóng phát thanh, truyền hình đối với vùng khó khăn.

Điều 13. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục thể thao

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Đô thị	18.600
Đồng bằng	13.900
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	19.500
Vùng cao - hải đảo	26.400

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có vận động viên đạt thành tích cao cấp quốc gia và vận động viên khuyết tật được tham gia các giải do Trung ương tổ chức được phân bổ kinh phí tập huấn theo chế độ quy định với vận động viên.

Điều 14. Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Đô thị	31.000
Đồng bằng	33.700
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	47.200
Vùng cao - hải đảo	57.300

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung, gồm:

a) Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ được tính trên cơ sở đối tượng năm 2016, mức hỗ trợ theo chế độ quy định;

b) Kinh phí thực hiện chế độ điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20 tháng 6 năm 1975 của Hội đồng Chính phủ, Quyết định số 111-HĐBT ngày 13 tháng 10 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng được tính trên cơ sở đối tượng năm 2016, mức hỗ trợ theo chế độ quy định;

c) Kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ được tính trên cơ sở đối tượng năm 2015, mức hỗ trợ theo chế độ quy định;

d) Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có gia đình thuộc diện chính sách (gia đình: liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến, bà mẹ Việt Nam anh hùng, người có công giúp đỡ cách mạng, quân nhân bị tai nạn nghề nghiệp) ngoài chế độ phụ cấp hàng tháng hoặc trợ cấp một lần do ngân sách trung ương đảm bảo còn được phân bổ với mức 500.000 đồng/gia đình thuộc diện chính sách để có thêm kinh phí thực hiện chế độ thăm hỏi, động viên các gia đình thuộc diện chính sách vào ngày lễ, tết.

Điều 15. Định mức phân bổ chi quốc phòng

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Đô thị	31.800
Đồng bằng	31.800
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	44.500
Vùng cao - hải đảo	63.600

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biên giới đất liền, có xã đảo hoặc huyện đảo (nhưng không có đơn vị hành chính xã trực thuộc) được phân bổ kinh phí với mức: 800 triệu đồng/xã biên giới, xã đảo; 4.000 triệu đồng/huyện đảo để có thêm kinh phí thực hiện nhiệm vụ quốc phòng; đối với các địa phương tiếp giáp với 02 tỉnh nước bạn trở lên được phân bổ hệ số 1,4 lần/xã biên giới.

Điều 16. Định mức phân bổ chi an ninh

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Đô thị	18.200
Đồng bằng	13.800
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	19.300
Vùng cao - hải đảo	27.600

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biên giới đất liền, có xã đảo hoặc huyện đảo (nhưng không có đơn vị hành chính xã trực thuộc) được phân bổ kinh phí với mức 600 triệu đồng/xã biên giới, xã đảo; 1.600 triệu đồng/huyện đảo để có thêm kinh phí thực hiện nhiệm vụ an ninh; đối với các địa phương tiếp giáp với 02 tỉnh nước bạn trở lên được phân bổ hệ số 1,4 lần/xã biên giới.

Điều 17. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng phương án phân bổ dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ ngân sách địa phương năm 2017 báo cáo Chính phủ trình Quốc hội quyết định.

Điều 18. Mức phân bổ chi hoạt động kinh tế

1. Mức phân bổ chung, bằng 10% chi thường xuyên các lĩnh vực chi (từ Điều 7 đến Điều 17 Mục II Chương II).

2. Đối với các đô thị đặc biệt (Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh) được phân bổ tăng thêm 70% theo định mức xác định tại khoản 1 Điều này để thực hiện các nhiệm vụ quan trọng về giao thông đô thị.

3. Phân bổ cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các đơn vị hành chính đô thị theo Quyết định công nhận của cấp có thẩm quyền theo mức 76.500 triệu đồng/quận, đô thị loại I (thuộc tỉnh)/năm; 46.500 triệu đồng/đô thị loại II/năm; 12.750 triệu đồng/đô thị loại III/năm; 8.500 triệu đồng/đô thị loại IV/năm; 5.000 triệu đồng/đô thị loại V.

Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, trường hợp địa phương được cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương công nhận nâng cấp đô thị, giao Bộ Tài chính bổ sung từ ngân sách trung ương cho các địa phương nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương theo mức hỗ trợ đô thị tại khoản 3 Điều này.

4. Phân bổ theo tiêu chí bổ sung, gồm:

a) Kinh phí miễn thu thủy lợi phí được tính trên cơ sở dự toán kinh phí miễn thu thủy lợi phí năm 2016 được cấp có thẩm quyền quyết định;

b) Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa xác định trên cơ sở mức hỗ trợ và diện tích đất trồng lúa Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 7 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa. Ngoài ra, đối với các địa phương có diện tích trồng lúa lớn (diện tích trồng lúa chiếm từ 20% diện tích đất tự nhiên trở lên hoặc có diện tích trồng lúa cao hơn mức bình quân cả nước) được phân bổ thêm 400.000 đồng/ha đất trồng lúa;

c) Kinh phí hỗ trợ địa phương có huyện đảo, xã đảo: Được tính trên cơ sở 70% kinh phí thực hiện năm 2015 của địa phương bù lỗ giá điện, trợ giá cho các tàu chở nước ngọt, nhu yếu phẩm ra các huyện đảo, xã đảo, kinh phí duy trì hoạt động của các bể nước, máy lọc nước biển cho các huyện đảo, xã đảo.

Điều 19. Định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường

Trên cơ sở tổng dự toán chi sự nghiệp bảo vệ môi trường của ngân sách nhà nước, trong đó ngân sách trung ương 15%, ngân sách địa phương 85%. Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường của ngân sách địa phương được phân bổ theo các tiêu chí sau:

1. Dành 48% phân bổ theo số dân số đô thị và mật độ dân số, cụ thể:

a) Đối với dân số đô thị đặc biệt hệ số 15; đối với đô thị loại I hệ số 7; đối với đô thị loại II đến IV hệ số 2; vùng còn lại hệ số 1;

b) Về hệ số theo mật độ dân số: trên 2.000 người/km² hệ số 15; trên 1.000 – 2.000 người/km² hệ số 6; trên 750 – 1.000 người/km² hệ số 2,5; trên 500 - 750 người/km² hệ số 1,8; từ 500 người/km² trở xuống hệ số 1.

2. Dành 40% phân bổ cho yếu tố tác động môi trường của sản xuất công nghiệp theo giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn từng địa phương theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Chi sự nghiệp môi trường (tỉnh A)} \\ = \end{array} \begin{array}{l} \text{Tổng chi sự nghiệp môi trường ngân sách địa phương} \end{array} \times 40\% \times \frac{\text{Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh A}}{\text{Giá trị sản xuất công nghiệp toàn quốc}}$$

(Trong đó giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh A lấy theo số liệu thực hiện năm 2015 do Tổng Cục thống kê cung cấp)

3. Dành 5% phân bổ đảm bảo môi trường khu bảo tồn thiên nhiên theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Chi sự} & & \text{Tổng chi sự} & & & & \text{Diện tích khu bảo tồn thiên} \\ \text{nghiệp môi} & = & \text{nghiệp môi} & \times & 5\% & \times & \text{nhiên của địa phương (ha)} \\ \text{trường} & & \text{trường ngân} & & & & \text{Tổng diện tích khu bảo tồn} \\ \text{(tỉnh A)} & & \text{sách địa phương} & & & & \text{thiên nhiên toàn quốc (ha)} \end{array}$$

(Trong đó diện tích khu bảo tồn thiên nhiên của tỉnh A được quy định tại Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch hệ thống rừng đặc dụng cả nước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030).

4. Dành 7% phân bổ cho yếu tố tác động từ rừng tự nhiên đảm bảo môi trường thiên nhiên theo diện tích rừng tự nhiên trên địa bàn từng địa phương theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Chi sự} & & \text{Tổng chi sự} & & & & \text{Diện tích rừng tự nhiên} \\ \text{nghiệp môi} & = & \text{nghiệp môi} & \times & 7\% & \times & \text{của địa phương (ha)} \\ \text{trường} & & \text{trường ngân} & & & & \text{Tổng diện tích rừng tự} \\ \text{(tỉnh A)} & & \text{sách địa phương} & & & & \text{nhiên toàn quốc (ha)} \end{array}$$

(Trong đó diện tích rừng tự nhiên của tỉnh A lấy theo số liệu thực hiện năm 2014 do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cung cấp).

Điều 20. Mức phân bổ chi thường xuyên khác của ngân sách địa phương

1. Phân bổ theo tỷ trọng (bằng 0,5%) tổng các khoản chi thường xuyên đã tính được theo định mức phân bổ (từ Điều 7 đến Điều 19 Mục II Chương II).

2. Phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biên giới đất liền được bổ sung kinh phí theo mức 800 triệu đồng/xã biên giới để thực hiện nhiệm vụ quan hệ với các địa phương nước bạn; đối với các địa phương tiếp giáp với 02 tỉnh nước bạn trở lên được phân bổ hệ số 1,4 lần/xã biên giới.

Điều 21. Đối với những địa phương khó khăn hoặc có dân số thấp

1. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khó khăn hoặc có dân số thấp, được phân bổ thêm theo tỷ lệ phần trăm (%) số chi tính theo định mức dân số như sau: Các địa phương thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long

được phân bổ thêm 9%; các địa phương có dân số dưới 400 nghìn dân được phân bổ thêm 16%; các địa phương có dân số từ 400 nghìn dân đến dưới 600 nghìn dân được phân bổ thêm 14%; các địa phương có dân số từ 600 - 900 nghìn dân được phân bổ thêm 12%. Trường hợp địa phương đáp ứng từ hai tiêu chí trở lên, chỉ được phân bổ theo tiêu chí hỗ trợ cao nhất.

2. Các tỉnh, thành phố có dân số bình quân/huyện dưới 85 nghìn dân được phân bổ thêm 5% số chi tính theo định mức dân số.

Điều 22. Đối với các tỉnh, thành phố có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương

Các tỉnh, thành phố có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương, được phân bổ thêm theo tỷ lệ phần trăm (%) số chi tính theo định mức dân số như sau:

Thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh được phân bổ thêm 70%; các thành phố trực thuộc Trung ương còn lại (Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ) được phân bổ thêm 45%; các địa phương có đóng góp về ngân sách trung ương từ 40% trở lên được phân bổ thêm 40%; các địa phương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương từ 15% đến dưới 40% được phân bổ thêm 35%; các địa phương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương còn lại được phân bổ thêm 30%.

Điều 23. Dự phòng ngân sách

Căn cứ vào khả năng ngân sách nhà nước, giao Bộ Tài chính trình Chính phủ trình Quốc hội phân bổ dự phòng ngân sách địa phương năm 2017 theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Điều 24. Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách

1. Ngân sách trung ương hỗ trợ theo quy định đối với các chính sách mới, chính sách tăng mức chi so với định mức đã tính trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2017, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách.

Các chế độ chính sách đã tính năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, không thay đổi kinh phí (do tăng mức, mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách) các địa phương chủ động bố trí ngân sách địa phương để thực hiện; trường hợp có thừa thiếu kinh phí so với mức đã bố trí năm đầu thời kỳ ổn định, các địa phương có báo cáo kết quả thực hiện, giao Bộ Tài chính trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán ngân sách năm sau để các địa phương có nguồn triển khai thực hiện.

2. Các chính sách (kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội, kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng hộ gia đình cận nghèo, người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình), căn cứ đối tượng thực tế, giao Bộ Tài chính bổ sung có mục tiêu từ nguồn ngân sách trung ương cho các địa phương theo chế độ quy định.

3. Khi có đơn vị hành chính mới được thành lập theo nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, giao Bộ Tài chính bổ sung từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương để hỗ trợ các đơn vị hành chính mới được thành lập (kinh phí hỗ trợ thực hiện công tác di chuyển, thuê chỗ làm việc, sửa chữa, mua sắm bổ sung phương tiện làm việc; chi trả tiền lương, phụ cấp lương cho số biên chế mới tăng thêm,...) như sau:

a) Đối với thành phố, thị xã, quận mới thành lập được hỗ trợ 17.000 triệu đồng/đơn vị/năm;

b) Đối với huyện mới thành lập: thuộc vùng cao - hải đảo được hỗ trợ 17.000 triệu đồng/đơn vị/năm; thuộc miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu được hỗ trợ 13.600 triệu đồng/đơn vị/năm; huyện thuộc vùng còn lại được hỗ trợ 10.200 triệu đồng/đơn vị/năm;

c) Đối với xã, phường, thị trấn mới thành lập: thuộc vùng cao - hải đảo được hỗ trợ 3.400 triệu đồng/đơn vị/năm; thuộc miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu được hỗ trợ 2.720 triệu đồng/đơn vị/năm; xã, phường, thị trấn thuộc vùng còn lại được hỗ trợ 2.380 triệu đồng/đơn vị/năm.

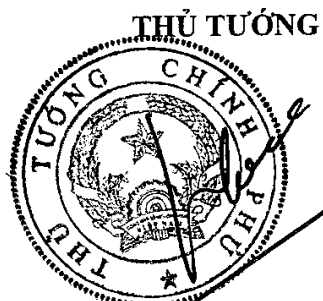
4. Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có tổ chức diễn tập phòng thủ khu vực được Quân khu giao; thực hiện huy động nhân lực, tàu thuyền và phương tiện dân sự tham gia bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền các vùng biển của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Nghị định số 30/2010/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ, giao Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ có mục tiêu cho các địa phương theo khả năng cân đối ngân sách trung ương.

5. Giao Bộ Tài chính trình Chính phủ trình Quốc hội:

a) Tăng thêm số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho các địa phương so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

b) Phương án xử lý trong trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động làm ngân sách địa phương tăng thu lớn.

c) Hỗ trợ cho các địa phương theo khả năng cân đối của ngân sách trung ương trong trường hợp có phát sinh nhiệm vụ đặc biệt về an ninh, quốc phòng./.



Nguyễn Xuân Phúc